TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 17 – 02 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Viết P, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1983 (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 6 năm 2021 - Có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp H, xã T1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Tuyết T2, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T3, xã T1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1983; cư trú tại ấp H, xã T1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn ông Đỗ Viết P và trong quá trình xét xử bà Nguyễn Thị Thúy A là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Hộ kinh doanh Đỗ Viết P, địa chỉ Số 49/4, ấp H, xã T1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, ngành nghề kinh doanh mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống là cơ sở kinh doanh của vợ chồng ông Đỗ Viết P, bà Nguyễn Thị Thúy A do ông P đại diện đứng tên đăng ký kinh doanh.

Năm 2016, vợ chồng ông Nguyễn Trung N (Tên thường gọi: Tám M), bà Nguyễn Tuyết T2 bắt đầu mua phân bón của hộ kinh doanh Đỗ Viết P bằng lời nói theo hình thức gói đầu sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp của gia đình. Trong năm 2019, hộ kinh doanh Đỗ Viết P đã nhiều lần bán phân bón gói đầu cho ông N, bà T2. Tính đến tháng 11/2019, ông N, bà T2 nợ hộ kinh doanh Đỗ Viết P số tiền 45.544.000 đồng. Ngày 10/3/2020, ông N, bà T2 đến địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh Đỗ Viết P để cộng sổ chốt nợ số tiền 45.544.000 đồng, cam kết 10 ngày sau tức ngày 20/3/2020 sẽ trả theo Biên nhận viết tay cùng ngày do ông N đại diện viết và ký tên. Đến hạn, ông P nhiều lần đến nhà gặp ông N, bà T2 yêu cầu trả nợ nhưng ông N, bà T2 khất hẹn không trả.

Nay, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông N, bà T2 cùng trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số tiền nợ 45.544.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính kể từ ngày 20/3/2020 đến ngày 10/6/2021 là 1,226 năm bằng 5.583.694 đồng, tổng cộng số tiền là 51.127.694 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày: Thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông P, không có ý kiến hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Trung N, bà Nguyễn Tuyết T2 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N, bà T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

là phân bón thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] *Về thủ tục xét xử*: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Trung N, bà Nguyễn Tuyết T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà T2 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét việc thỏa thuận xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán phân bón bằng lời nói trong năm 2019 giữa hộ kinh doanh Đỗ Viết P với ông N, bà T2 dùng vào mục đích sản xuất nông nghiệp để tạo ra thu nhập của gia đình là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 118, khoản 1 Điều 402, Điều 430, Điều 431 Bộ luật Dân sự.

[2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến tháng 11/2019 ông N, bà T2 nợ hộ kinh doanh Đỗ Viết P số tiền 45.544.000 đồng; ông N, bà T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Biên nhận ngày 10/3/2020 do ông N đại diện viết và ký tên. Xét trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông N, bà T2 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên không có cơ sở để Tòa án xem xét, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho ông N, bà T2 trong vụ án.

[3] Xét ông P khởi kiện yêu cầu ông N, bà T2 cùng có nghĩa vụ trả cho ông P, bà A số tiền nợ 45.544.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính kể từ ngày 20/3/2020 đến ngày 10/6/2021 là 1,226 năm bằng số tiền 5.583.694 đồng; tổng cộng số tiền 51.127.694 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 280, Điều 357, khoản 1 Điều 410, Điều 440 Bộ luật Dân sự. Do đó, ông N và bà T phải có trách nhiệm trả cho ông P và bà A số tiền 51.127.694 đồng; kể từ ngày ông P và bà A có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 51.127.694 đồng thì ông N và bà T còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm thi hành án.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mốc đơn mục [1], [2] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P và ý kiến của bà A giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, giải quyết:

[1] Ông N và bà T2 phải chịu án phí tính tròn số tiền 2.556.385 đồng.

[2] Hoàn trả cho ông P được nhận lại số tiền 1.280.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 117, Điều 118, Điều 280, Điều 357, khoản 1 Điều 402, khoản 1 Điều 410, các điều 430, 431 và 440 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Viết P:

1.1. Buộc ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Tuyết T2 phải có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Viết P và bà Nguyễn Thị Thúy A số tiền 51.127.694 (Năm mươi mốt triệu một trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi bốn) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án ông Đỗ Viết P và bà Nguyễn Thị Thúy A có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 51.127.694 (Năm mươi mốt triệu một trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi bốn) đồng thì người phải thi hành án ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Tuyết T2 còn phải trả lãi chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Tuyết T2 phải nộp án phí số tiền 2.556.385 (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi lăm) đồng.

2.2. Hoàn trả cho ông Đỗ Viết P được nhận lại số tiền 1.280.000 (Một triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010264 ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Nguyễn Thị Thúy A đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Viết P. Vắng mặt ông Đỗ Viết P, ông Nguyễn Trung N, bà Nguyễn Tuyết T2. Báo cho bà A có mặt biết có quyền kháng cáo, có quyền đại diện ông P kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông P, ông N, bà T2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + ĐD.NĐ + BĐ + NLQ: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân